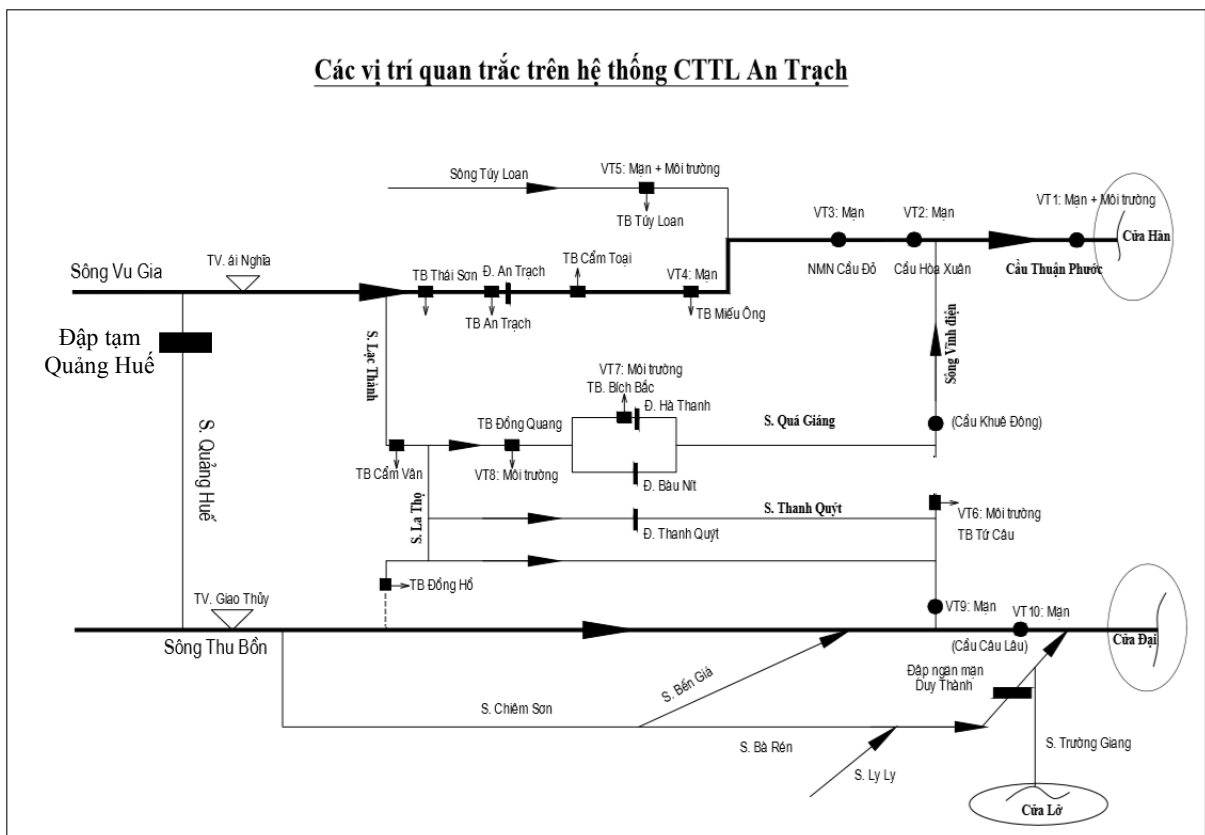


VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM  
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN

Nhiệm vụ “*Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi An Trạch, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2024*”

**BẢN TIN TUẦN, KỶ 17, THÁNG 05**

**KẾT QUẢ DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TỪ NGÀY 31/05 – 06/06/2024**



*Hệ thống thủy lợi An Trạch*

**Đà Nẵng, ngày 30 tháng 05 năm 2024**

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM  
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN

**Nhiệm vụ “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi An Trạch, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2024”**

**BẢN TIN TUẦN, KỲ 17, THÁNG 05**  
**KẾT QUẢ DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TỪ NGÀY 31/05 – 06/06/2024**

**CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**

**CƠ QUAN THỰC HIỆN**  
**VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI**  
**MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN**

**PGS.TS. Hoàng Ngọc Tuấn**

**Thông tin chung**

*Nhiệm vụ Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi An Trạch, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2024 được Tổng cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên thực hiện. Năm 2024, có 28 đợt lấy mẫu quan trắc chất lượng nước trong hệ thống với 10 điểm quan trắc và 13 chỉ tiêu phân tích. Trong mỗi đợt lấy mẫu có 01 bản tin kết quả dự báo chất lượng nước. Các bản tin được đưa lên websites tại địa chỉ [www.cviwr.vn](http://www.cviwr.vn) và được gửi cho các địa phương vùng dự án.*

*Bản tin kết quả dự báo chất lượng nước kỳ 17 lấy mẫu ngày 29/05/2024, nội dung gồm: Kết quả độ mặn, kết quả phân tích các chỉ tiêu; kết quả tính chỉ số WQI; kết quả đánh giá chất lượng nước phục vụ SXNN theo các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh và chỉ số WQI; kết quả dự báo diễn biến xâm nhập mặn; cùng với những khuyến cáo về chất lượng nước khi sử dụng phục vụ SXNN.*

**Đà Nẵng, ngày 30 tháng 05 năm 2024**

# BẢN TIN DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC THEO TUẦN

## Đợt 17

**1. Tên nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi An Trạch, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2024.

**2. Giới thiệu chung về hệ thống thủy lợi An Trạch**

Hệ thống thủy lợi An Trạch là hệ thống thủy lợi liên tỉnh thuộc lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn, bao gồm bốn đập dâng (An Trạch trên sông Yên, Bàu Nít trên sông Bàu Sấu, Hà Thanh trên sông Quá Giáng và Thanh Quyết trên sông La Thọ) và 10 trạm bơm điện phục vụ tưới cho 9.700ha đất của 2 tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng và cấp nước sinh hoạt với lưu lượng 350.000m<sup>3</sup>/ngày đêm (sau năm 2010).

**3. Ngày quan trắc:** 29/05/2024.

**4. Ngày cung cấp thông tin:** 30/05/2024.

**5. Đơn vị thực hiện:** Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên

- PGS.TS. Hoàng Ngọc Tuấn (Chủ nhiệm)

- ThS. Đặng Thị Nga

- ThS. Nguyễn Ngọc Vinh

- ThS. Đoàn Tiến Đạt

- ThS. Lê Thị Sương

- KS. Nguyễn Thị Nga

- KS. Nguyễn Văn Thiên Thủy

**6. Người cung cấp thông tin:** Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên.

**7. Đơn vị nhận thông tin:** Cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

**8. Vị trí lấy mẫu:** 10 vị trí

*Bảng 1. Vị trí các trạm đo và lý do lựa chọn vị trí đo năm 2024*

TT	Ký hiệu	Địa điểm	Mục đích quan trắc
1	VT1	Cầu Thuận Phước	- Quan trắc độ mặn để làm biên dưới cho mô hình - Quan trắc chất lượng nước trước khi đổ ra biển (biên dưới).
2	VT2	Cầu Hòa Xuân	- Quan trắc độ mặn trên sông Cẩm Lệ.
3	VT3	Thượng lưu NMN Cầu Đỏ	- Quan trắc độ mặn trước nhà máy nước Cầu Đỏ.
4	VT4	Trạm bơm Miếu Ông trên sông Yên (hạ du đập dâng An Trạch)	- Quan trắc và dự báo độ mặn để phục vụ trạm bơm tưới
5	VT5	Trạm bơm Túy Loan trên sông Túy Loan	- Quan trắc và dự báo độ mặn để phục vụ trạm bơm tưới. - Quan trắc chất lượng nước trên nhánh sông Túy Loan.
6	VT6	Trạm bơm Tứ Cầu (sông Vĩnh Điện)	- Quan trắc chất lượng nước ở cửa ra kênh xả của khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc
7	VT7	Trạm bơm Bích Bắc (thượng lưu đập dâng Hà Thanh)	- Quan trắc chất lượng nước của trạm bơm Bích Bắc, tưới cho 1.625ha

TT	Ký hiệu	Địa điểm	Mục đích quan trắc
8	VT8	Trạm bơm Đông Quang	- Quan trắc chất lượng nước của trạm bơm Đông Quang, tưới cho 2.410ha
9	VT9	Vòm Cẩm Đồng (sông Vĩnh Điện)	- Quan trắc và dự báo độ mặn sông Vĩnh Điện để phục vụ trạm bơm tưới.
10	VT10	Cầu Câu Lâu (sông Thu Bồn)	- Quan trắc và dự báo độ mặn trên sông Thu Bồn

**9. Thông tin lúc lấy mẫu:** Trời âm u

Một số hình ảnh lấy mẫu hiện trường ngày **29/05/2024** tại các vị trí quan trắc:



Hình 1. Chân Cầu Thuận Phước



Hình 2. Cầu Hòa Xuân



Hình 3. Thượng lưu nhà máy nước Cầu Đỏ



Hình 4. Trạm bơm Miếu Ông



Hình 5. Trạm bơm Túy Loan



Hình 6. Trạm bơm Đông Quang

## I. KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC

### 1.1. Kết quả đo độ mặn (VT1, VT2, VT3, VT4, VT5, VT9, VT10)

Kết quả đo độ mặn tại các vị trí VT1, VT2, VT3, VT4, VT5, VT9, VT10 được thể hiện tại bảng 2 dưới đây.

Bảng 2. Kết quả đo độ mặn trung bình ngày

TT	Độ mặn (‰)						
	VT1 7h55ph	VT2 8h03ph	VT3 8h26ph	VT4 9h15ph	VT5 8h55ph	VT9 11h25ph	VT10 7h00ph
Ngày 29/05	23,2	17,2	2,5	0,0	0,2	0,0	1,5

## 1.2. Kết quả phân tích chất lượng nước (VT1, VT5, VT6, VT7, VT8)

Bảng 3. Kết quả phân tích chất lượng nước ngày 22 tháng 05 năm 2024 (trung bình ngày)

TT No	Tên chỉ tiêu (Test properties)	Phương pháp thử (Test methods)	Đơn vị tính (Unit)	Kết quả thử nghiệm (Test results)					Cột B <sub>1</sub> QCVN 08-MT:2015/BTNMT	Bảng 2, mức phân loại CLN (B) QCVN 08-MT:2023/BTNMT
				VT1-22-05	VT5-22-05	VT6-22-05	VT7-22-05	VT8-22-05		
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,5	7,3	7,4	7,4	7,7	5,5-9	6,0-8,5
2	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2012	mS/cm	42,8	10,5	0,53	6,5	10,7		
3	Oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2004	mg/L	5,1	4,5	4,6	4,4	5,1	≥4	≥5
4	Clorua(Cl <sup>-</sup> )	TCVN 6494-1:2011	mg/L	13369	2826	109	52,5	41,7	350	
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	10,5	15,8	23,4	28,4	30,5	50	≤100
6	Nhu cầu oxy sinh học (BOD <sub>5</sub> )	TCVN 6001-1:2008	mg/L	4,3	4,5	5	4,2	4,8	15	≤6
7	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2012	mg/L	6	7	8	6	8	30	≤15
8	Nitrat NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N	US EPA Method 352.1	mg/L	4,542	4,791	5,219	4,589	4,721	10	
9	Amoni NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N	SMEWW 4500 NH <sub>3</sub> B,F:2012	mg/L	0,532	0,525	0,532	0,483	0,496	0,9	
10	Photphat PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> -P	TCVN 6202:2008	mg/L	0,217	0,219	0,228	0,192	0,205	0,3	≤0,3
11	Nitrit NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> -N	TCVN 6178:1996	mg/L	0,018	0,03	0,033	0,024	0,031	0,05	
12	Tổng Coliform	TCVN 6187-2:1996	MPN/100 mL	460	740	820	580	720	7500	≤5000
13	Nhiệt độ		°C	29,4	30,9	30,7	30,2	30,1		
14	Độ đục		NTU	3,06	27,7	51	36,5	48,9		
<b>WQI</b>				<b>90</b>	<b>89</b>	<b>89</b>	<b>90</b>	<b>90</b>		

**Ghi chú:**

- QCVN08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt năm 2015.
- + Cột B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự (Vị trí áp dụng: VT1, VT5, VT6, VT7, VT8)
- QCVN08-MT:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt năm 2023.
- + Bảng 2. Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước.
- + Mức phân loại chất lượng nước (loại B): Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

**II. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NƯỚC THEO CHỈ SỐ WQI**

Bảng 4. Kết quả tính toán chỉ số WQI tại các vị trí

TT	VT lấy mẫu		WQI	Đánh giá	Màu thể hiện		Xếp loại
1	VT1	Cầu Thuận Phước	90	Chất lượng nước tốt	Xanh lá cây		Tốt
2	VT5	TB Túy Loan	89	Chất lượng nước tốt	Xanh lá cây		Tốt
3	VT6	TB Tứ Câu	89	Chất lượng nước tốt	Xanh lá cây		Tốt
4	VT7	TB Bích Bắc	90	Chất lượng nước tốt	Xanh lá cây		Tốt
5	VT8	TB Đông Quang	90	Chất lượng nước tốt	Xanh lá cây		Tốt

**Ghi chú:** Đánh giá theo hướng dẫn kỹ thuật tính toán và công bố chỉ số chất lượng nước Việt Nam (VN\_WQI) ban hành theo Quyết định 1460/QĐ-TCMT, ngày 12/11/2019 của Tổng cục Môi trường. Trong đó:

WQI từ 91-100: Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt

WQI từ 76-90: Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp;

WQI từ 51-75: Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác;

WQI từ 26-50: Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác;

WQI từ 10-25: Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai;

WQI <10: Nước nhiễm độc, cần có biện pháp khắc phục, xử lý.

**III. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

**3.1. Về độ mặn**

Trong tuần qua trên địa bàn 2 tỉnh Quảng Nam và TP Đà Nẵng xuất hiện mưa tương đối lớn với tổng lượng mưa đạt 879,0mm/tuần, nhiệt độ tại trạm Đà Nẵng dao động từ 28,1-32,4°C và trạm Tam Kỳ dao động từ 28,0-31,7°C. Diễn biến mực nước và độ mặn tại các vị trí trên địa bàn 2 tỉnh/thành phố như sau:

- Tại tỉnh Quảng Nam: từ ngày 24/05-30/05/2024, mực nước tại các đập dâng Bàu Nít, Thanh Quýt và trạm TV Ái Nghĩa cao hơn so với tuần trước, cụ thể mực nước tại đập dâng Bàu Nít dao động từ 2,1-2,5m; tại đập dâng Thanh Quýt dao động từ 1,880-2,05m; tại trạm thủy văn Ái Nghĩa dao động từ 2,29-2,79m. Trong tuần qua các TB Vĩnh Điện, Cẩm Sa, Thanh Quýt không xảy ra nhiễm mặn, độ mặn tại trạm bơm Tứ Câu giảm xuống còn 0,1‰. Trên nhánh sông Thu Bồn tại vị trí cầu Cầu Lâu cũ mặn giảm hơn so với tuần trước, giá trị độ mặn lớn nhất quan trắc dao động từ 0,9-1,6‰.

- Tại thành phố Đà Nẵng: Độ mặn tại các vị trí VT1- Cầu Thuận Phước, VT2- Cầu Hòa Xuân, VT3- vị trí thượng lưu Nhà máy nước Cầu Đỏ, VT4- TB Miếu Ông và VT5-TB Túy Loan giảm so với tuần trước. Riêng vị trí thượng lưu nhà máy nước Cầu Đỏ độ mặn đã giảm



xuống thấp hơn nhiều với các tuần trước đó, tuy nhiên nhiều thời điểm vẫn vượt mức quy định cho cấp nước sinh hoạt tại hầu hết các thời điểm trong giai đoạn từ ngày 24/05-30/05 (tính đến 11h ngày 30/05), giá trị độ mặn dao động từ 0,272-9,151‰ (272mg/L-9.151mg/L). Một số thời điểm độ mặn đã vượt quá 1‰ như: 1h-2h, 12h, 22h, 24h ngày 24/7 độ mặn dao động từ 1,029‰-1,422‰; 1h-2h; 10h-12h; 15h ngày 27/7 độ mặn dao động từ 1,064‰-3,639‰; 1h-3h, 12h ngày 28/7 độ mặn dao động từ 1,413‰-2,339‰; 1h-4h, 8h-14h, 18h; 24h độ mặn dao động từ 1,253‰-6,637‰; từ 1h-11h ngày 30/5 độ mặn dao động từ 1,161‰-9,151‰;.. Độ mặn lớn nhất quan trắc được tại vị trí thượng lưu NMN Cầu Đò là 9,151‰, vào lúc 06h ngày 30/05, vượt quá ngưỡng cho phép 35,6 lần.

**Tại thời điểm quan trắc (ngày 29/05/2024), giá trị độ mặn tại các vị trí như sau:**

- Tại VT1- Cầu Thuận Phước và VT2-Cầu Hòa Xuân: Độ mặn giảm 1,3-4,3‰ so với tuần trước, giá trị độ mặn tương ứng là 23,2‰ (tại VT1- Cầu Thuận Phước lúc 07h55') và 17,2‰ (tại VT2-Cầu Hòa Xuân vào lúc 08h03').

- Độ mặn tại VT3-Thượng lưu nhà máy nước Cầu Đò đạt 2,5‰ (lúc 08h26'), vượt 9 lần so với giới hạn cho phép của cấp nước sinh hoạt.

- Tại VT5- TB Túy Loan và VT6-TB Tứ Câu: Độ mặn giảm hơn so với tuần trước, giá trị độ mặn tương ứng đạt 0,2‰ (tại VT5 vào lúc 08h55') và 0,1‰ ( tại VT6 vào lúc 12h30').

- Tại VT4-TB Miếu Ông, VT9-Vòm Cẩm Đồng: Nguồn nước không bị nhiễm mặn.

- Tại VT10 - Cầu Câu Lâu: Độ mặn tăng hơn so với tuần trước, đạt 1,5‰ (07h00')

### **3.2. Về chất lượng nước**

- Sau khi so sánh với *mức độ phân loại chất lượng nước (loại B) được quy định tại Bảng 2 trong QCVN08-MT:2023/BTNMT và cột B1 trong QCVN08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt*, kết quả phân tích chất lượng nước cho thấy phần lớn hàm lượng của các chỉ tiêu tại tất cả vị trí quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép, chỉ có duy nhất chỉ tiêu DO tại một số vị trí chưa đảm bảo giới hạn cho phép ( $GH \geq 5\text{mg/L}$ ), cụ thể:

+ Tại VT5-TB Túy Loan: Chỉ tiêu DO có hàm lượng đạt 4,5 mg/L, thấp hơn giới hạn cho phép khoảng 10%.

+ Tại VT6-TB Tứ Câu: Chỉ tiêu DO có hàm lượng đạt 4,6 mg/L, thấp hơn giới hạn cho phép khoảng 8%.

+ Tại VT7-TB Đông Quang: Chỉ tiêu DO có hàm lượng đạt 4,4 mg/L, thấp hơn giới hạn cho phép khoảng 12%.

- Kết quả tính toán chỉ số chất lượng nước WQI tại các vị trí quan trắc đều đạt mức Tốt (dao động từ 89-90), đảm bảo cho mục đích tưới tiêu cũng như các mục đích tương tự khác.

## **III. DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC: Từ ngày 31/05/2024 đến ngày 06/06/2024**

### **1. Thông tin chung**

#### *a. Nhận định tình hình thời tiết*

Trong tháng 6, dự báo thời tiết tại khu vực nghiên cứu chủ yếu ngày nắng nóng, có ngày nắng nóng gay gắt, chiều tối và đêm có mưa rào và dông vài nơi; riêng những ngày áp thấp phía tây và rãnh áp thấp bị nén mạnh, hội tụ gió tây trên cao chiều tối và đêm có mưa rào và dông rải rác, có nơi đạt mưa vừa, mưa to. Tổng lượng mưa dự báo tại các trạm đo mưa dao động từ 94,4-286,1mm tại tỉnh Quảng Nam và từ 83,2-135,5mm tại thành phố Đà Nẵng.

Tổng lượng mưa trong 10 ngày đầu tháng (01-10/6) dao động từ 38,1-191,1mm tại Quảng Nam và từ 34,8-76,9mm tại Đà Nẵng.

b. Tóm tắt tình hình sản xuất nông nghiệp:

Hiện nay, trên địa bàn 2 tỉnh/ thành phố Quảng Nam và Đà Nẵng đã hoàn thành việc gieo sạ, một số khu vực gieo sạ sớm cây lúa đang trong giai đoạn sinh trưởng.

c. Tình hình vận hành công trình thủy lợi:

Hệ thống thủy lợi An Trạch đang vận hành theo đúng quy trình đã được phê duyệt.

d. Hiện trạng các công trình đập dâng, đập ngăn mặn

Tại khu vực nghiên cứu có hệ thống các đập dâng An Trạch, Hà Thanh, Bàu Nít, Thanh Quýt và đập ngăn mặn Duy Thành đã được xây dựng kiên cố. Trên sông Quảng Huế có 01 đập tạm dâng nước trên sông, tuy nhiên đập tạm đã bị xói lở nhiều sau trận mưa lũ lớn năm 2022 chưa được nâng cấp, sửa chữa. Trên nhánh sông Vĩnh Điện, công trình đập tạm ngăn mặn Tứ Câu đã hoàn thiện vào ngày 06/3/2024.

Bảng 5. Bảng thống kê các đập ngăn mặn

TT	Tên đập	Tọa độ		Vị trí	Hình thức	Quy mô
		X	Y			
1	An Trạch	15°57'19,5''N	108°09'16,6''E	Xã Hòa Tiến, Hòa Vang, ĐN	Đập dâng	12 x (4,0 x 4,5)
2	Hà Thanh	15°57'10,2''N	108°11'48,4''E	Hòa Vang, ĐN	Đập dâng	7 x (2,35 x 1,85)
3	Bàu Nít	15°56'57,1''N	108°12'10''E	Xã Điện Hòa, Điện Bàn, QN	Đập dâng	6 x (4,2 x 3,8)
4	Thanh Quýt	15°54'58''N	108°13'01''E	Xã Điện Thắng Nam, Điện Bàn, QN	Đập dâng	6 x (3,8 x 2,5)
5	Duy Thành	15°49'54,5''N	108°19'45,8''E	Xã Duy Thành, Duy Xuyên, QN	Đập ngăn mặn	Dài 248m, gồm cửa van sập 4 x(20 x 4)m và đập tràn thực dụng chảy tự do
6	Quảng Huế	15°52'14,3''N	108°06'14,2''E	Xã Đại Cường, Đại Lộc, QN	<b>Đập tạm</b>	Dài 360m, cao TB 5m, rộng 7-8m
7	Tứ Câu	15°57'19,5''N	108°09'16,6''E	Xã Điện Ngọc, Điện Bàn, QN	<b>Đập tạm</b>	Dài 99,95m

## 2. Dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần tới (từ ngày 31/05 - 06/06)

### 2.1. Cơ sở xây dựng phương án dự báo

Để dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần tới căn cứ theo các cơ sở sau:

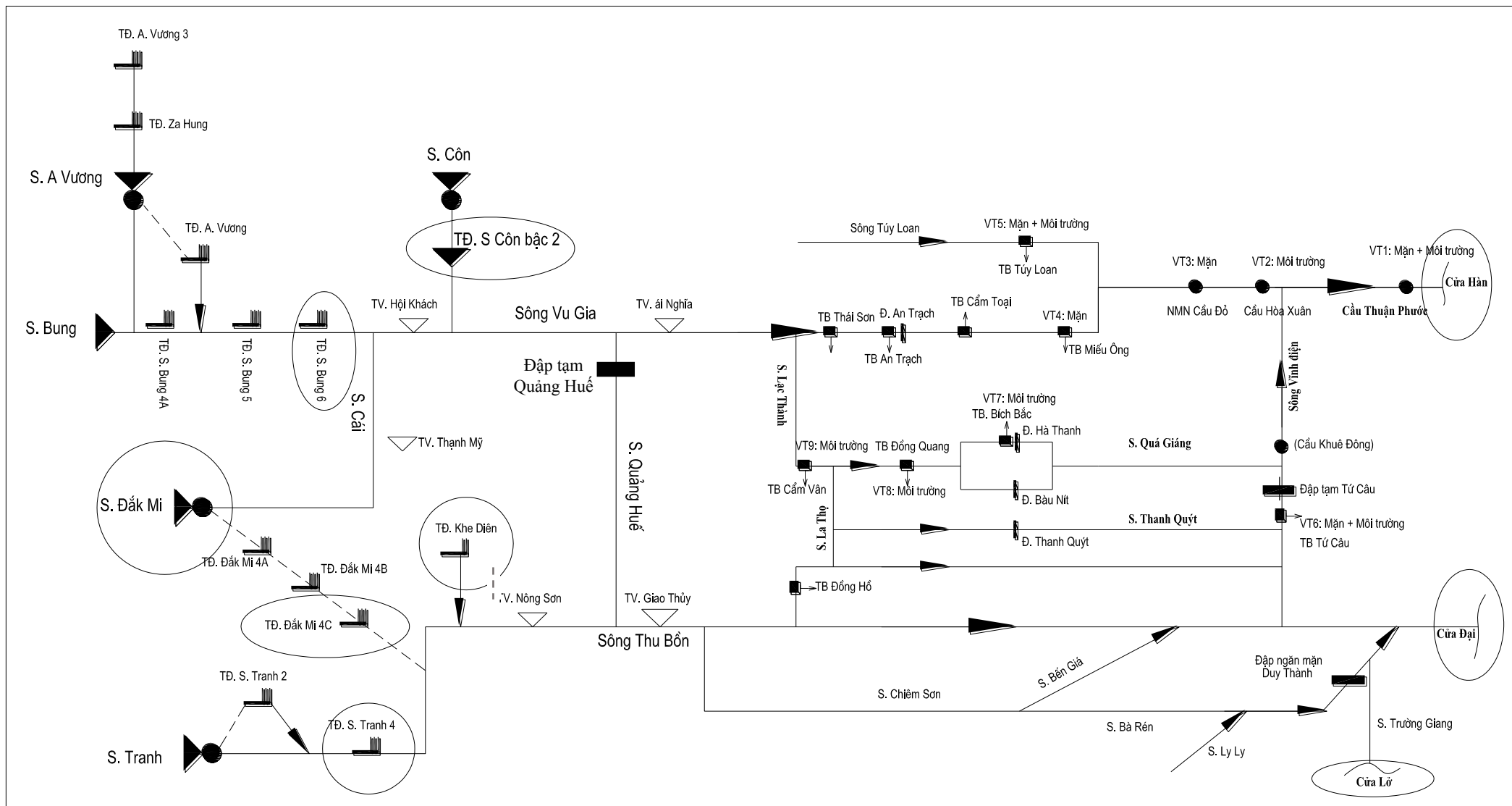
- Kết quả thực địa lấy mẫu và phân tích các mẫu chất lượng nước tại các vị trí.
- Bộ mô hình thủy văn, thủy lực đã được hiệu chỉnh, kiểm định qua các năm và đã được cập nhật mới nhất năm 2024 cho lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn.
- Số liệu khí tượng, hải văn dự báo từ ngày 31/05-06/06 do Đài Khí tượng Thủy văn Trung Trung Bộ cung cấp.
- Số liệu lưu lượng xả của 06 thủy điện làm biên đầu vào của mô hình: căn cứ theo QTVH liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn ban hành theo Quyết định số 1865/QĐ-TTg và số liệu vận hành thực tế của các nhà máy thủy điện được công bố trên trang web của Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam.



- Đã mô phỏng các công trình ngăn mặn trên hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn như: đập ngăn mặn Duy Thành (trên sông Ly Ly), đập tạt Quảng Huế (trên sông Quảng Huế), đập tạt Tứ Câu (sông Vĩnh Điện).

## **2.2. Cơ sở dữ liệu phục vụ tính toán**

- Mạng lưới sông Vu Gia – Thu Bồn đưa vào tính toán:



Hình 8. Sơ đồ mạng lưới sông Vu Gia – Thu Bồn đưa vào tính toán

Bảng 6. Tổng hợp lượng mưa dự báo tại các trạm chính lưu vực VG-TB

TT	Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	Dự báo tình hình mưa tuần tới (mm)	So sánh lượng mưa tuần với cùng kỳ (+/-(%))	
					TBNN	2023
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Trà My	67,8	686,4	120,8	144,1	104,3
2	Thành Mỹ	123,4	304,4	135,4	321,4	238,4
3	Nông Sơn	169,8	476,6	150,5	304,7	146,1
4	Ái Nghĩa	33,4	179,2	32,5	223,9	434
5	Giao Thủy	57,8	268,8	37,4	243,55	347,27
6	Khâm Đức	22,4	353,8	22,7	kss	35,139
7	Hội Khách	148,8	318,6	51,7	270,22	118,04
8	Hiên	73,6	562,0	198,7	kss	135,35
9	Câu Lâu	17,6	181,2	65,3	305,52	254,9
10	Hiệp Đức	97,0	359,4	86,7	180,89	154,27
11	Tiên Phước	29,0	483,8	121,3	kss	566,82
12	Tam Kỳ	5,0	401,6	141,7	290,65	745,79
13	Cẩm Lệ	13,2	70,8	63,2	259,19	1215,4
14	Đà Nẵng	20,8	276,4	30,8	222,17	537,96
<b>Tổng</b>		<b>879,6</b>	<b>4.923,0</b>			

Ghi chú: (x): không có số liệu; (kss): không so sánh vì giá trị đo được bằng 0

(Nguồn: Đài KTTV Trung Trung Bộ)

**Nhận xét:** Theo Đài KTTV Trung Trung Bộ, tuần vừa qua tại khu vực nghiên cứu xảy ra mưa, tổng lượng mưa dao động từ 5,0 – 169,8mm/tuần; tổng lượng mưa bình quân cộng dồn từ đầu năm đến nay tại các trạm đo mưa chính đạt 4.923mm. Dự báo trong tuần tới trên lưu vực sẽ có mưa với tổng lượng mưa phổ biến từ 22,7mm đến 198,7mm.

Bảng 7. Mức nước trung bình tại các trạm thủy văn trong tuần

TT	Trạm	H <sub>tb</sub> (cm)	Mức nước max, min, TBNN cùng thời kỳ (cm)		
			Min	TBNN	Max
1	Cẩm Lệ	-2	-87	-10	91
2	Ái Nghĩa	238	186	291	857
3	Câu Lâu	17	-84	-1	311
4	Giao Thủy	24	-26	125	744

(Nguồn: Đài KTTV Trung Trung Bộ)

**Nhận xét:** Mức nước trung bình trong tuần qua tại trạm thủy văn Ái Nghĩa là 2,38m, thấp hơn mức nước giới hạn (2,67m-2,80m) quy định theo QTVH 1865/2019/QĐ-TTg từ 0,29-0,42m.

Bảng 8. Theo dõi vận hành các hồ chứa thủy điện chính trên lưu vực sông VG-TB (Ngày 30/05/2024)

TT	Tên công trình	Dung tích thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )		Qđén (m <sup>3</sup> /s)	Q xả (công/tràn) (m <sup>3</sup> /s)	Q chạy máy (m <sup>3</sup> /s)	Giới hạn MN cho phép theo QTVH 1865 (m)	MNTB (m) 7h ngày 30/05	So sánh
		W <sub>tb</sub>	W <sub>hi</sub>						
1	A Vương	343,6	266,5	21,01	0,0	0,0	364,1-366,8	368,91	Cao hơn
2	Sông Tranh 2	729,2	521,1	56,85	5,74	0,0	163,1-164,9	166,02	Cao hơn
3	Đăk Mi 4	312,4	158,3	25,72	25,72	0,0	252,5-253,8	254,43	Cao hơn
4	Sông Bung 4	510,8	234,0	40,22	0,0	0,0	214,7-216,1	217,25	Cao hơn
<b>Tổng</b>		<b>1896,0</b>	<b>1179,9</b>						

(Nguồn: BCH PCTT&TKCN tỉnh Quảng Nam)

**Nhận xét:** Tại thời điểm ngày 30/05/2024, mực nước tại các hồ thủy điện A Vương, Sông Tranh 2, Sông Bung 4 và Đăk Mi 4 đều cao hơn so với quy định tại Phụ lục III QTVH 1865/2019/QĐ-TTg. Vì vậy lưu lượng xả dự kiến tại các nhà máy thủy điện từ ngày 31/05-06/06 như bảng 9.

*Bảng 9. Thống kê lưu lượng xả các nhà máy thủy điện (từ 31/05-06/06/2024)*

TT	Tên thủy điện	Lưu lượng xả (m <sup>3</sup> /s)	Thời gian xả
1	Sông Côn 2 bậc 2	2,5	12 giờ/ ngày (từ 09 giờ đến 21 giờ)
2	Đăk Mi 4 (về Vu Gia)	25,0	Vận hành xả nước liên tục (24/24h)
3	Sông Bung 6	80	12 giờ/ngày (từ 11 giờ đến 23 giờ)
4	Đăk Mi 4C	theo vận hành thực tế	
5	Sông Tranh 4	54	7 giờ/ngày
6	Khe Diên	6,0	24 giờ/ngày

### **2.3. Kết quả dự báo xâm nhập mặn tại 7 vị trí**

Theo kết quả dự báo từ ngày 31/05-06/06 trên khu vực nghiên cứu có mưa với tổng lượng mưa dao động từ 22,7-198,7mm, do đó độ mặn trên các vị trí quan trắc có xu hướng giảm so với tuần trước. Giá trị độ mặn dự báo tại 07 vị trí trong tuần tới (từ ngày 31/05-06/06) như sau:

- Tại VT1 (cầu Thuận Phước): độ mặn dao động từ 16,5‰ đến 21,9‰; độ mặn lớn nhất dự báo khoảng 21,9‰ vào lúc 09h00', ngày 05/06/2024.

- Tại VT2 (cầu Hòa Xuân): độ mặn dao động từ 8,5‰ đến 16,5‰; độ mặn lớn nhất dự báo khoảng 16,5‰ vào lúc 09h30', ngày 05/06/2024.

- Tại VT3 (thượng lưu Cầu Đỏ): độ mặn dao động từ 0,15‰ đến 4,1‰; độ mặn lớn nhất dự báo khoảng 4,1‰ vào lúc 11h00', ngày 05/06/2024.

- Tại VT4 (trạm bơm Miếu Ông): độ mặn dao động từ 0,0‰ đến 0,5‰; độ mặn lớn nhất dự báo khoảng 0,5‰ vào lúc 12h00', ngày 05/06/2024.

- Tại VT5 (trạm bơm Túy Loan): độ mặn dao động từ 0,0‰ đến 0,7‰; độ mặn lớn nhất dự báo khoảng 0,7‰ vào lúc 12h00', ngày 05/06/2024.

- Tại VT9 (Vòm Cẩm Đồng): độ mặn dao động từ 0,0‰ đến 0,2‰; độ mặn lớn nhất dự báo khoảng 0,2‰ vào lúc 09h00', ngày 05/06/2024.

- Tại VT10 (cầu Câu Lâu): độ mặn dao động từ 0,0 ‰ đến 1,3‰; độ mặn lớn nhất dự báo khoảng 1,3‰ vào lúc 08h30', ngày 05/06/2024.

### **2.4. Kết quả dự báo chất lượng nước tuần tại 5 vị trí**

Theo kết quả dự báo từ ngày 31/05-06/06 chất lượng nước tại 05 vị trí có biến động nhẹ, tại một số thời điểm chỉ tiêu DO tại các vị trí VT1, VT5, VT6, VT7 có hàm lượng chưa đảm bảo giới hạn cho phép ( $GH \geq 5\text{mg/L}$ ), chỉ tiêu BOD<sub>5</sub> (tại vị trí VT6) có hàm lượng vượt giới hạn cho phép ( $GH \leq 6\text{mg/L}$ ), các chỉ tiêu còn lại dự báo đều nằm trong giới hạn cho phép. Hàm lượng của một số chỉ tiêu chất lượng nước được dự báo như sau:

- Tại VT1 (Cầu Thuận Phước): Chỉ tiêu DO dao động từ 4,4-5,8 mg/l, chỉ tiêu BOD<sub>5</sub> dao động từ 4,0 - 4,5mg/l, chỉ tiêu NH<sub>4</sub><sup>+</sup>-N dao động từ 0,424- 0,538mg/l, chỉ tiêu NO<sub>3</sub><sup>-</sup>-N dao động từ 4,460- 5,465mg/l.

- Tại VT5 (TB Túy Loan): Chỉ tiêu DO dao động từ 4,3-5,3mg/l, chỉ tiêu BOD<sub>5</sub> dao động từ 3,6-5,1mg/L, chỉ tiêu NH<sub>4</sub><sup>+</sup>-N dao động từ 0,427- 0,559mg/l, chỉ tiêu NO<sub>3</sub><sup>-</sup>-N dao động từ 4,651- 5,643mg/l.

- Tại VT6 (TB Tứ Câu): Chỉ tiêu DO dao động từ 4,5 -5,7mg/l, chỉ tiêu BOD<sub>5</sub> dao động

từ 4,8-6,9mg/L, chỉ tiêu  $\text{NH}_4^+\text{-N}$  dao động từ 0,474- 0,597mg/l, chỉ tiêu  $\text{NO}_3^-\text{-N}$  dao động từ 4,685- 5,872mg/l.

- Tại VT7 (TB Bích Bắc): Chỉ tiêu DO dao động từ 4,7-5,3mg/l, chỉ tiêu  $\text{BOD}_5$  dao động từ 3,7-5,4mg/L, chỉ tiêu  $\text{NH}_4^+\text{-N}$  dao động từ 0,475- 0,589mg/l, chỉ tiêu  $\text{NO}_3^-\text{-N}$  dao động từ 4,521- 5,318mg/l.

- Tại VT8 (TB Đông Quang): Chỉ tiêu DO dao động từ 5,1-6,5mg/l, chỉ tiêu  $\text{BOD}_5$  dao động từ 3,9-5,0mg/L, chỉ tiêu  $\text{NH}_4^+\text{-N}$  dao động từ 0,448-0,569mg/l, chỉ tiêu  $\text{NO}_3^-\text{-N}$  dao động từ 4,413-5,547mg/l.

#### **IV. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ**

Theo kết quả tính toán của Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên, từ ngày 31/05-06/06/2024, phần lớn các chỉ tiêu được dự báo tại các điểm quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép, tuy nhiên vẫn có một số thời điểm chỉ tiêu DO tại các vị trí VT1, VT5, VT6, VT7 có hàm lượng chưa đảm bảo giới hạn cho phép ( $\text{GH} \geq 5\text{mg/L}$ ), chỉ tiêu  $\text{BOD}_5$  (tại vị trí VT6) có hàm lượng vượt giới hạn cho phép ( $\text{GH} \leq 6\text{mg/L}$ ). Dự báo trong tuần tới độ mặn tại các vị trí quan trắc trên cả 2 nhánh sông Vu Gia và sông Thu Bồn có xu hướng giảm. Để đảm bảo cho quá trình vận hành hệ thống cấp nước cho vụ Hè Thu được an toàn, trong quá trình vận hành hệ thống An Trạch các đơn vị liên quan cần chú ý:

- *Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng*: quan tâm chỉ đạo Chi cục Thủy lợi và Công ty Khai thác thủy lợi tiếp tục theo dõi thông tin dự báo khí tượng, thủy văn và diễn biến xâm nhập mặn, chất lượng nước để chủ động điều chỉnh các giải pháp ứng phó kịp thời và hiệu quả nhằm cấp nước cho cây trồng trong vụ Hè Thu.

+ Đối với đập tạm trên sông Quảng Huế: hiện 2 tỉnh/thành phố đã thống nhất phương án triển khai gia cố đập tạm trên sông Quảng Huế nhằm gia tăng lượng nước về sông Vu Gia, đảm bảo nguồn nước cấp cho khu vực hạ du thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam. Ngày 24/5/2024, UBND tỉnh Quảng Nam đã có công văn giao Sở TNMT và UBND huyện Đại Lộc phối hợp với Công ty CP cấp nước Đà Nẵng và các ngành, cơ quan liên quan của thành phố cung cấp thông tin, phương án, kế hoạch triển khai thực hiện đắp đập tạm, tuyên truyền, vận động người dân trên địa bàn tạo sự đồng thuận để Công ty CP cấp nước Đà Nẵng triển khai đắp đập tạm.

+ Đối với hệ thống đập dâng An Trạch: sớm có phương án sửa chữa, nâng cấp hệ thống đập dâng An Trạch để đảm bảo cấp nước an toàn trong mùa kiệt năm 2024.

- *Công ty TNHH MTV KTTL thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam*:

Quản lý chặt chẽ nguồn nước và đảm bảo tưới cho các diện tích trong hệ thống; chỉ đạo các đơn vị theo dõi diễn biến mực nước, bám sát lịch thủy triều, lịch vận hành xả nước của các nhà máy thủy điện cũng như diễn biến xâm nhập mặn để đưa ra phương án vận hành nhằm đảm bảo cấp nước an toàn cho vụ Hè Thu. Thực hiện vận hành các đập dâng An Trạch, Hà Thanh, Bàu Nít và Thanh Quýt theo quy định tại khoản 1, Điều 26 của QTVH 1865/2019/QĐ-TTg để đảm bảo mực nước yêu cầu tại các trạm bơm trên hệ thống. Bên cạnh đó, các đơn vị cần phối hợp chặt chẽ với các tổ chức hợp tác dùng nước tăng cường công tác kiểm tra đồng ruộng, điều tiết dẫn nước trên hệ thống kênh tưới nhằm cấp nước kịp thời phục vụ sản xuất.

- *Nhà máy nước Cầu Đỏ*: Trong tuần vừa qua, độ mặn quan trắc tại cửa thu nước NMN Cầu Đỏ thấp hơn so với các tuần trước, tuy nhiên hầu hết đều vượt giới hạn cho phép ( $>0,25\%$ ), một số thời điểm vượt trên 1%. Theo kết quả dự báo độ mặn tại vị trí Cầu Đỏ từ ngày 31/05-

06/06/2024 có khả năng dao động từ 0,15‰ – 4,1‰, nhiều thời điểm độ mặn vượt cao trên 1‰. Khuyến cáo Nhà máy nước Cầu Đỏ cần tiếp tục theo dõi diễn biến độ mặn tại vị trí này để có phương án vận hành khai thác theo quy định tại Mục b,c Khoản 2, Điều 15 Quyết định số 1865/2019/QĐ-TTg nhằm đảm bảo cấp nước an toàn. Theo đó “khi độ mặn nước sông Vu Gia tại cửa lấy nước của NMN Cầu Đỏ trong khoảng từ 200mg/l đến 1000mg/l (0,2‰-1‰) thì xem xét điều chỉnh giảm lưu lượng lấy qua cửa lấy nước của nhà máy và thực hiện lấy nước sông Vu Gia tối đa có thể từ trạm bơm nước tại đập dâng An Trạch; khi độ mặn nước sông Vu Gia tại cửa lấy nước của NMN Cầu Đỏ lớn hơn 1000mg/l (1,0‰) thì phải đóng kín cửa nhà máy và thực hiện việc bơm nước sông Vu Gia tối đa từ trạm bơm tại đập dâng An Trạch”. Tiếp tục chủ động xây dựng các phương án vận hành hợp lý để đảm bảo cấp nước an toàn và tiến hành gia cố đập tạm trên sông Quảng Huế theo đúng tiến độ và quy định.

- *Đối với các nhà máy thủy điện:* Các chủ hồ vận hành các hồ tuân theo quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1865/2019/QĐ-TTg và Điều 28 Luật Thủy lợi nhằm hỗ trợ công tác phòng chống hạn hán xâm nhập mặn vùng hạ du. Trong quá trình vận hành cần có sự phối hợp vận hành giữa các nhà máy thủy điện có liên quan để đưa mực nước về Phụ lục III trong QTVH 1865/2019/QĐ-TTg.

- Các cơ quan liên quan cần liên tục cập nhật, thông tin thường xuyên về tình hình xâm nhập mặn và chất lượng nước để chủ động điều chỉnh các giải pháp ứng phó kịp thời và hiệu quả; hướng dẫn thực hiện các biện pháp giảm mặn, tưới tiết kiệm.

Chúng tôi sẽ quan trắc thường xuyên và đưa ra những khuyến cáo kịp thời nhằm có phương án ứng phó trong trường hợp cần thiết.

*Đà Nẵng, ngày 30 tháng 05 năm 2024*

**ĐƠN VỊ THỰC HIỆN  
VIỆN TRƯỞNG**

(Đã ký)

**Hoàng Ngọc Tuấn**